

GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI MỤC TIÊU NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

TS HOÀNG THÙY LINH

Trường Đại học Văn Lang

Ngày nhận:

13-1-2026

Ngày thẩm định, đánh giá:

6-2-2026

Ngày duyệt đăng:

9-2-2026

Tóm tắt: Đặt trong tổng thể mục tiêu chiến lược của của giáo dục hiện nay, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là môn học mang tính thực tiễn và lý luận, giúp người học hiểu rõ quá trình hình thành, xây dựng, phát triển của Đảng cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Nội dung môn học không chỉ cung cấp tri thức về lịch sử, chính trị, mà còn góp phần hình thành tư duy độc lập, củng cố niềm tin và lý tưởng cách mạng cho người học, đặc biệt là thế hệ trẻ. Trên các ý nghĩa đó, để môn học thực sự phát huy giá trị giáo dục, việc đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với thực tiễn, phát huy năng lực tự chủ, tham gia tích cực, phát huy năng lực toàn diện của người học đang trở thành yêu cầu cấp thiết được nhiều cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quan tâm.

Từ khóa:

Giảng dạy; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; gắn với thực tiễn, phát huy năng lực chủ, toàn diện cho người học

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, giáo dục luôn giữ vai trò là cầu nối giữa các thế hệ, giúp truyền tải, nâng cao tri thức và kinh nghiệm sống. Trọng tâm của giáo dục là hỗ trợ người học hình thành hệ giá trị cá nhân, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tích cực, trên nền tảng kế thừa di sản tri thức nhân loại. Để đạt hiệu quả bền vững, hoạt động giáo dục cần dựa trên các nguyên lý nền tảng, đặc biệt là nguyên lý “học đi đôi với hành”, “gắn lý luận với thực tiễn” - những định hướng không ngừng được cập nhật theo yêu cầu đổi mới trong từng giai đoạn lịch sử.

Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hệ thống giáo dục đại

học ở Việt Nam. Việc nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, nhằm bảo đảm nội dung và phương pháp giảng dạy tương xứng với ý nghĩa chính trị, tư tưởng sâu sắc của môn học trong hệ thống giáo dục quốc gia, giúp người học phát triển năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề của đời sống.

1. Mục tiêu chiến lược của giáo dục, đào tạo Việt Nam

Giáo dục, đào tạo có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia, đóng vai trò nền tảng cốt lõi bảo đảm cho sự phát triển bền

vững. Không chỉ là đích đến trong quá trình kiến tạo xã hội tri thức, giáo dục còn là động lực chủ yếu thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa đất nước, mở ra những cơ hội mới để hội nhập và phát triển trong tương lai. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”¹, sự tụt hậu, lệch lạc và nghèo đói phần lớn xuất phát từ thiếu tri thức. Từ đó có thể thấy, nâng cao dân trí là nền tảng để gia tăng sức mạnh nội sinh của quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay, khi tri thức trở thành động lực then chốt cho sự phát triển, giáo dục cần phải gắn bó mật thiết với thực tế đời sống. Việc xây dựng và triển khai chương trình cần xuất phát từ nhu cầu thực tế của xã hội, nhằm đào tạo nguồn nhân lực vừa có chuyên môn, vừa có khả năng thích ứng linh hoạt, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Giáo dục Việt Nam được định hướng là quá trình truyền đạt tri thức, đồng thời là công cụ để đánh thức, nuôi dưỡng và phát huy tối đa tiềm năng, kỹ năng, phẩm chất, năng lực cũng như bản lĩnh của con người Việt Nam trong thời đại mới. Đó là nhiệm vụ để đào tạo nên “người công dân hữu ích cho Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có”². Từ định hướng đó, quá trình giáo dục đã được thiết kế với mục tiêu rõ ràng, cụ thể, đúng như phương châm: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”³. Như vậy, giáo dục không chỉ đơn thuần phục vụ mục tiêu nghề nghiệp, đào tạo chuyên môn, hướng người học đến mục tiêu học làm thầy, làm kỹ sư hay làm thợ (học để biết, học để làm), mà cần mở rộng hơn, trở thành phương tiện để mỗi cá nhân nhận thức được trách nhiệm công dân của mình học cốt để phục vụ Tổ quốc và nhân dân⁴ (học để cùng chung sống, học để khẳng định mình). Nhiệm vụ học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được coi là tôn chỉ cao nhất

trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Quá trình dạy và học không thể tách rời khỏi thực tiễn xã hội và phải bắt nguồn từ những yêu cầu cụ thể trong đời sống, “Dạy và học cần phải theo nhu cầu của dân, của Nhà nước. Thầy dạy tốt, trò học tốt, cung cấp đủ cán bộ cho nông nghiệp, công nghiệp, cho các ngành kinh tế và văn hóa”⁵. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực cho các lĩnh vực thiết yếu. Trên cơ sở đó, nền giáo dục Việt Nam chuyển dịch từ việc chú trọng bằng cấp sang việc phát triển những cá nhân toàn diện, có khả năng sống, học tập và đóng góp cho cộng đồng, hướng tới phục vụ Tổ quốc. Đây là một mô hình giáo dục “kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà”⁶.

Trong quá trình thực hiện, chu trình giáo dục và đào tạo chưa được kết nối chặt chẽ với thực tiễn, dẫn đến việc giáo dục “làm người” chưa được quan tâm đúng mức, còn thiên về việc “dạy chữ” thuần túy. Đáng chú ý, nhiều cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng chưa triển khai hiệu quả các hoạt động nhằm bồi dưỡng tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, phong cách sống và kỹ năng mềm cho người học, khiến kết quả đạt được còn hạn chế. Việc đổi mới nội dung, chương trình, phương thức và phương pháp giáo dục - đào tạo còn chậm. Điều đó đã dẫn tới hệ quả: “Một tỷ lệ lớn học sinh, sinh viên sau khi ra trường được các doanh nghiệp nhận về phải đào tạo lại mới đáp ứng yêu cầu làm việc. Trong hơn “400 trường đại học và cao đẳng có tới 2/3 số trường đào tạo về công nghệ thông tin; nhưng kết quả khảo sát cho thấy khoảng 70% sinh viên tốt nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin cần được đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Đa số

sinh viên không nắm bắt được lĩnh vực công việc của mình, 72% sinh viên thiếu kỹ năng thực hành và kinh nghiệm thực tế, 42% sinh viên thiếu kỹ năng làm việc theo nhóm. Trong số sinh viên mới ra trường chỉ có khoảng 15% đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; 80% sinh viên mới tốt nghiệp trong lĩnh vực lập trình máy tính cần phải đào tạo lại⁷. Kết quả đó là một trong những điểm nghẽn quan trọng khiến cho chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam được đánh giá không cao: Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới năm 2019, Việt Nam chỉ đạt mức “3,79/10, xếp hạng thứ 11 trong số 12 quốc gia được khảo sát tại châu Á (Hàn Quốc đạt 6,91 điểm; Ấn Độ đạt 5,76 điểm; Malaysia đạt 5,59 điểm, Thái Lan đạt 4,94/10 điểm)”⁸. Đánh giá này cũng cho biết nhân lực Việt Nam yếu về chất lượng, thiếu năng động và sáng tạo, tác phong lao động công nghiệp, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm⁹.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên xuất phát từ hai vấn đề trọng yếu: *Một là*, chương trình giáo dục còn nặng tính hàn lâm, lý thuyết khô cứng, giáo viên chưa khơi dậy được niềm đam mê, cảm hứng cho người học. *Hai là*, bản thân người học chưa nâng cao tính tự chủ trong quá trình học tập; chưa biết vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tế. Từ đó dẫn đến tình trạng đối tượng giáo dục không biết nhận diện vấn đề để giải quyết.

Khắc phục những điểm nghẽn trên, công tác giáo dục, đào tạo cần được đổi mới một cách căn bản và toàn diện, với định hướng lấy kết quả thực tiễn làm thước đo, trong đó mục tiêu cốt lõi là hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Để đạt được điều đó, chương trình và phương pháp giáo dục cần được thiết kế lại theo hướng tăng cường giá trị thực tiễn và nhân văn: “chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các

giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹⁰. Việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục trong thời gian tới còn nhằm góp phần “Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo...”¹¹, như Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

Định hướng giáo dục của Đảng trở thành kim chỉ nam cho việc xây dựng chương trình và mục tiêu giáo dục trong giai đoạn mới. Giáo dục không chỉ gắn với thực tiễn cuộc sống mà còn hướng đến sự phát triển toàn diện con người, lấy người học làm trung tâm, nhằm phục vụ hiệu quả cho mục tiêu phát triển quốc gia bền vững.

Để hiện thực hóa định hướng, mục tiêu đó, việc đổi mới, đặc biệt là phương pháp dạy học tích cực, tăng cường mối liên hệ giữa giáo dục và thực tiễn là yêu cầu cấp thiết, giữ vai trò trung tâm trong tiến trình phát triển giáo dục hiện nay. Một phương pháp giáo dục phù hợp sẽ góp phần hình thành ở người học thái độ tích cực, tinh thần tự giác trong học tập và rèn luyện; khuyến khích tư duy độc lập, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, học đi đôi với hành. Với những yêu cầu, định hướng trên, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những môn học giữ vị trí quan trọng đặc biệt trong chương trình giáo dục đại học, bởi không chỉ trang bị tri thức lý luận nền tảng về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng, mà còn giúp người học đạt đến ba tầng bậc phát triển: nhận thức đúng đắn - xây dựng niềm tin và lý tưởng - từ đó thúc đẩy hành động thiết thực cùng khát vọng được cống hiến cho Tổ quốc và nhân dân.

2. Nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối với môn Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, thông qua nội dung, các phương pháp giảng dạy của giảng viên, người học hiểu rõ quá trình ra đời, xây dựng, phát triển của Đảng, cũng như tiến trình Đảng lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của dân tộc từ năm 1930 đến nay. Qua đó, người học được củng cố thêm niềm tin đối với Đảng, phát huy tinh thần yêu nước, yêu CNXH của người học. Để đạt được mục tiêu trên, trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường tính thực tiễn của nội dung bài học, giúp người học hiểu rõ và vận dụng kiến thức vào thực tế một cách hiệu quả

Mục tiêu giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ truyền tải tri thức về các sự kiện lịch sử, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện, mà còn góp phần tổng kết kinh nghiệm và bài học lịch sử để vận dụng vào thực tiễn. Do đó, bản thân môn học đã thể hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa học tập và vận dụng, giữa học với hành. Việc giảng dạy môn học này đòi hỏi giảng viên không chỉ tập trung vào việc liệt kê các sự kiện lịch sử Đảng hay chủ trương, đường lối chính trị, mà còn phải phân tích và đúc rút những kinh nghiệm, bài học từ thực tiễn lịch sử, giúp người học hiểu rõ được bản chất của sự kiện, vấn đề lịch sử, và vận dụng được vào thực tiễn.

Đối với người học, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp thêm những tri thức lịch sử, chính trị, góp phần phát triển tư duy và năng lực làm việc, cũng như khả năng vận dụng tri thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Đây là bước chuyển quan trọng từ tiếp thu tri thức một cách thụ động sang chủ động lĩnh hội

và áp dụng kiến thức, góp phần nâng cao năng lực thực hành, năng lực phân biện và thích ứng với bối cảnh thực tiễn ngày càng đa dạng, phức tạp. Do vậy, “học phải suy nghĩ, học phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm và thực hành. Học với hành phải kết hợp với nhau”¹². Đây chính là biểu hiện rõ nét của phương pháp giáo dục tích cực, trong đó đề cao vai trò của tự học, tự nghiên cứu, đi đôi với hoạt động thảo luận nhóm và sự định hướng từ giảng viên. Cách tiếp cận này giúp người học phát triển tư duy độc lập, chủ động chiếm lĩnh tri thức thay vì học thuộc lòng một cách máy móc. Tránh xa lối “học vẹt”, vì “chỉ học thuộc lòng, để đem lờ thiên hạ thì lý luận ấy cũng là vô ích”¹³ học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn, kết quả của việc học mới có giá trị thực chất và bền vững.

Trong thực tiễn giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiều giảng viên còn chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình truyền đạt kiến thức một chiều, nặng về đọc thoại, ít tương tác: “Thầy truyền đạt kiến thức, trò thụ động tiếp thu; thầy đọc thoại phát vấn - trả lời; thầy đọc quyền đánh giá. Giảng viên đảm nhận cả ba chức năng: làm ra sản phẩm, quản lý, điều chỉnh hoạt động”¹⁴. Nội dung bài học thường được triển khai dưới hình thức trình bày tuyến tính, giảng viên giữ vai trò trung tâm, người học phần lớn chỉ tiếp thu một cách thụ động. Việc đặt vấn đề mang tính khơi gợi từ phía người dạy tuy có xuất hiện, nhưng chưa thực sự phát huy được hiệu quả do thiếu cơ chế kích hoạt sự phản hồi, trao đổi hai chiều từ phía người học. Từ một góc nhìn cụ thể, giảng viên chưa thực sự khơi dậy được niềm hứng thú và khả năng tư duy độc lập của người học khi tiếp cận với hệ thống kiến thức của môn học. Việc thiếu gắn kết nội dung bài giảng lịch sử với những vấn đề sinh động, đa chiều và phức tạp của đời sống xã hội đã khiến người học khó

cảm thấy được sự cần thiết và ý nghĩa thiết thực của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hệ quả là mức độ quan tâm, chủ động học tập bị suy giảm, đồng thời chất lượng và hiệu quả giảng dạy bị ảnh hưởng đáng kể.

Để khắc phục tình trạng trên, giảng viên cần thực hiện hiệu quả nguyên tắc thiết kế bài giảng với phương pháp truyền đạt cần rõ ràng, dễ tiếp cận, tránh tính khuôn sáo, hình thức; biết cách tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy độc lập, khuyến khích tự do suy nghĩ và học tập linh hoạt. Giảng viên trước hết phải khơi dậy được cảm hứng học tập tìm hiểu lịch sử từ phía người học. Đây là bước khởi đầu cần thiết trong quá trình đổi mới giáo dục, bởi chỉ khi cảm thấy môn học có ý nghĩa và giá trị thực tiễn, người học mới chủ động tiếp nhận, vận dụng và từng bước hình thành năng lực giải quyết vấn đề cũng như thích nghi với yêu cầu chuyên môn trong tương lai.

Hai là, khơi dậy cảm hứng môn học và khát vọng khám phá tri thức

Trong dạy học hiện đại, truyền cảm hứng không chỉ là một kỹ năng sư phạm cần thiết mà còn là biểu hiện rõ nét của phương pháp giáo dục tích cực. Đây là yêu cầu đầu tiên để kiến tạo môi trường học tập tích cực, thúc đẩy người học tham gia một cách chủ động và sáng tạo. Truyền cảm hứng là quá trình người thầy chạm đến chiều sâu cảm xúc, khơi gợi tư duy, đánh thức niềm đam mê học hỏi nơi người học thông qua những hình thức tổ chức linh hoạt như thảo luận, phản biện, trình bày ý tưởng và giải quyết vấn đề thực tiễn. Đặc biệt, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn học vừa đậm tính lý luận vừa gắn với dòng chảy phát triển của đất nước, cảm hứng học tập giúp người học tiếp cận tri thức một cách sinh động, đồng thời thôi thúc họ hình thành nhận thức chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Một bài giảng lịch sử hay không nhất thiết phải

đầy ắp dữ kiện nhưng nhất thiết phải có sức lan tỏa, khơi gợi được sự đồng cảm, niềm tin và lý tưởng nơi người học. Khi người học thấy họ là một phần của tiến trình lịch sử, tri thức sẽ không còn là gánh nặng mà trở thành động lực để hành động và cống hiến.

Muốn hiện thực hóa những giá trị cốt lõi nêu trên, trước hết cần làm cho người học nhận thức sâu sắc về ý nghĩa nhân văn và giá trị ứng dụng của môn học đối với sự phát triển toàn diện của bản thân. Việc giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ nhằm truyền đạt tri thức lý luận, mà còn là hành trình đánh thức niềm tự hào dân tộc, niềm tin đối với Đảng, khơi dậy tình yêu quê hương, tinh thần trách nhiệm và năng lực tự thân trong mỗi cá nhân. Trên nền ý nghĩa đó, môn học giúp người học nhìn nhận rõ hơn về cội nguồn lịch sử, từ đó biết tựa vào quá khứ như một điểm tựa tinh thần vững chắc, ký thác niềm tin vào lịch sử như một dòng chảy liên tục nuôi dưỡng khát vọng sống, khát vọng cống hiến.

Với những ý nghĩa ấy, việc dạy và học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành quá trình vun đắp trí tuệ và phẩm chất con người Việt Nam. Môn học góp phần phát triển năng lực nhận thức lịch sử, chính trị, năng lực tư duy phản biện, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề cụ thể theo từng lĩnh vực, ngành nghề. Hơn nữa, đây còn là một phương tiện giáo dục cảm xúc (emotional education) hiệu quả, giúp người học thấu hiểu sâu sắc các giá trị nhân văn, hình thành nhân cách, nuôi dưỡng những giá trị đạo đức, hệ giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Ba là, nâng cao năng lực nghiên cứu thực tế của giảng viên

Để thực hiện hiệu quả chủ trương giảng dạy về sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, với tư cách là người định hướng, truyền lửa, khả năng nghiên cứu thực tiễn của giảng viên ảnh

hưởng sâu sắc đến hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, vai trò của giảng viên không chỉ giới hạn ở việc truyền đạt kiến thức mà còn bao gồm việc thúc đẩy, hướng dẫn và tổ chức các hoạt động học tập. Với vai trò đa diện này, giảng viên trở thành nhân tố chủ chốt bảo đảm chất lượng giảng dạy, đồng thời là cầu nối quan trọng thúc đẩy người học biến những kiến thức lý thuyết thành kỹ năng thực tiễn có thể áp dụng hiệu quả trong cuộc sống và công việc.

Do tính chất đa dạng và phức tạp của các hoạt động thực tiễn, mỗi quốc gia, địa phương hay vùng miền đều hình thành những đặc thù riêng, phản ánh điều kiện lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội đặc trưng. Việc tổ chức cho giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế giúp họ tiếp cận môi trường sống động, tạo điều kiện để vận dụng lý thuyết vào thực tiễn một cách sâu sắc, hiệu quả. Quá trình này giúp giảng viên kiểm chứng lý luận, tích lũy và khai thác các kinh nghiệm thực tế phong phú, sử dụng thực tiễn soi chiếu lý luận, phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh trong bối cảnh thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đổi mới phương pháp giáo dục.

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu và trải nghiệm thực tế của giảng viên Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, cũng như giảng viên lý luận chính trị nói chung tại một số cơ sở đào tạo vẫn còn mang tính hình thức và chưa đạt hiệu quả thực chất. Điều đó đã ảnh hưởng đến yêu cầu giảng dạy lịch sử gắn với thực tiễn, đến nâng cao chất lượng giảng viên giảng dạy lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với người học, nghiên cứu và tham quan, trải nghiệm thực tế (như: nghiên cứu tư liệu, tham quan di tích, hiện vật, gặp gỡ nhân chứng lịch sử...) cần được thực hiện nghiêm túc, trọng tâm, hướng đến tính ứng dụng, tránh hình thức mang tính đối phó.

Để đạt được mục tiêu trên, việc định hướng và hướng dẫn người học trong quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế cần được chú trọng. Bên cạnh đó, kế hoạch nghiên cứu, tham quan, trải nghiệm... cần được thiết kế linh hoạt, đa dạng về phương thức triển khai, dựa trên các chuyên đề cụ thể, nội dung bài học, hoặc lựa chọn những vấn đề điển hình để nghiên cứu chuyên sâu. Đồng thời, phạm vi thực hiện mở rộng từ các nhóm nhỏ đến quy mô toàn lớp. Quá trình nghiên cứu thực tế cần được kết thúc bằng việc tổng kết, thu thập và đánh giá kết quả nhận thức của người học, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục lịch sử.

Bốn là, tăng cường áp dụng phương pháp giảng dạy theo tình huống nhằm nâng cao năng lực vận dụng kiến thức và khả năng xử lý tình huống thực tế của người học

Phương pháp giảng dạy theo tình huống là một dạng cụ thể của dạy học tích cực, trong đó người học đóng vai trò trung tâm, được khuyến khích phát huy tư duy phản biện, năng lực suy luận, trình bày và tranh luận thông qua việc giải quyết các tình huống có tính thực tiễn. Phương pháp này tạo điều kiện cho người học chủ động chiếm lĩnh tri thức, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu, biến hoạt động dạy học từ truyền đạt một chiều sang tương tác đa chiều giữa giảng viên và người học. Thay vì đơn thuần truyền đạt tri thức một chiều qua bài giảng, giảng viên chuyển sang đảm nhận vai trò người tổ chức, định hướng và khơi gợi tư duy, giúp người học chủ động tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Cách tiếp cận trên giúp nâng cao khả năng tiếp thu, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đồng thời góp phần phát triển tư duy độc lập và năng lực giải quyết vấn đề. Đây chính là sự thể hiện sinh động tư tưởng Hồ Chí Minh về một nền giáo dục toàn diện, thiết thực.

Đề phương pháp giảng dạy theo tình huống phát huy hiệu quả đối với môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần đặc biệt chú trọng triển khai hoạt động seminar như một hình thức tổ chức dạy học tích cực. Thông qua seminar, giảng viên không chỉ thực hiện hiệu quả nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn, gắn sự kiện, nhân vật lịch sử với đời sống thực tiễn mà còn góp phần phát triển năng lực tư duy, khả năng vận dụng kiến thức và xử lý tình huống thực tế cho người học. Tổ chức seminar không đơn giản như giảng dạy lý thuyết trên lớp, đặc biệt là khi khai thác các vấn đề thực tiễn đang diễn ra, có tính chất động và đa chiều, đòi hỏi giảng viên phải có sự chuẩn bị công phu, vững vàng về chuyên môn, am hiểu thực tiễn, thành thạo kỹ năng sư phạm để có thể dẫn dắt, tạo hứng thú và định hướng người học tiếp cận, phân tích, giải quyết tình huống một cách hiệu quả. Trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có nhiều hình thức tổ chức seminar có thể áp dụng linh hoạt như: phương pháp đóng vai, thảo luận nhóm theo chủ đề, giải quyết tình huống lịch sử giả định... Tất cả đều hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực thực hành, gắn dữ kiện lịch sử, gắn lý luận với thực tiễn của người học một cách thiết thực, sâu sắc.

Như vậy, việc nâng cao hiệu quả giảng dạy môn *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* đòi hỏi sự chuyển đổi mạnh mẽ từ tiếp cận truyền thống sang mô hình giáo dục chú trọng phát triển năng lực tư duy, hành động và phản biện gắn với thực tiễn của người học. Giảng viên phát huy vai trò định hướng, tổ chức và điều tiết của giảng viên, giúp người học từng bước hình thành tư duy độc lập, khả năng phân tích và vận dụng lý luận vào tình huống cụ thể. Đây chính là nền tảng để môn học thực sự phát huy giá trị trong việc bồi dưỡng phẩm chất chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội cho người học.

- 1, 2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 16, 34
3. *Sđd*, T. 6, tr. 208
4. Xem: *Sđd*, T. 8, tr. 25
- 5, 6. *Sđd*, T. 10, tr. 291, 186
7. Trần Quốc Toàn: *Một số ý kiến về định hướng chiến lược phát triển con người trong giai đoạn mới (phần I)*, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/mot-so-y-kien-ve-dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-con-nguoi-trong-giai-doan-moi-phan-1.html>. truy cập ngày 20-6-2023
8. Lê Văn Luận - Phan Lệ Hương: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao - giải pháp đột phá để phát triển lực lượng sản xuất”, <https://congdamkhuynhoc.vn/phat-trien-nguon-lao-dong-chat-luong-cao-giai-phap-dot-pha-de-phat-trien-luc-luong-san-xuat-o-nuoc-ta->, truy cập ngày 20-6-2023
9. Ban Kinh tế Trung ương, Nguyễn Văn Bình (Chủ biên): *Chủ trương, chính sách của Việt Nam chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, H, 2019, tr. 125, 180
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, tr. 136-137
11. *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, <https://nhandan.vn/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-post941736.html>, ngày đăng 6-2-2026
12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 14, tr. 402
- 13, 15. *Sđd*, T. 5, tr. 275, 275
14. Nguyễn Thị Mai Hoa: “Nâng cao năng lực tư duy lý luận cho giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay - Một vài khuyến nghị”, <https://trithuulichsu.blogspot.com/2015/02/nang-cao-nang-luc-tu-duy-ly-luan-cho.html>, truy cập ngày 27-2-2025.

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Lịch sử Đảng, xin đính chính:
 - Số tháng 8-2025: trang 75, khổ 1, dòng 3 từ trên xuống, sửa lại là: “ông mất ngày 1-8-2011”
 - Số tháng 12-2025: trang 87, khổ 2, dòng 3 từ dưới lên, sửa lại là: “Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt)”
Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc!